

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

Báo cáo của Hội đồng Quản trị và
các báo cáo tài chính đã được kiểm toán

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 31

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD, vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép số 32/UBCK-GP chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

Ngày 8 tháng 8 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy phép số 147/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 147-149 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CÓ TỨC

		<i>VND</i>
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế cho năm	66.622.074.436	(85.719.561.053)
Cổ tức công bố và trả trong năm	-	35.899.800.000
Cổ tức công bố nhưng chưa trả trong năm	-	111.200.000
Lỗ lũy kế vào cuối năm	(18.857.227.617)	(85.479.302.053)

CÁC SỰ KIỆN TRONG KỲ

Trong kỳ, Công ty đã chính thức niêm yết trên thị trường giao dịch chứng khoán công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCOM) vào ngày 24 tháng 06 năm 2009 với mã chứng khoán VDS.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2008

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống Kế toán Việt Nam và các chính sách kế toán được qui định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 do Bộ Tài Chính ban hành và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Nguyễn Thành Long
Chủ tịch

Ông Nguyễn Miên Tuấn
Thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

Số tham chiếu: 60752721/13522033

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Rồng Việt**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính") được trình bày từ trang 4 đến trang 31. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam, và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 và tuân thủ các quy định có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Võ Tấn Hoàng Văn

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV

Nguyễn Xuân Đại

Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2009

B01-CTCK

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		744.770.935.073	76.050.783.046
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		362.276.642.630	64.471.560.631
111	1. Tiền	4	362.276.642.630	53.471.560.631
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	11.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		182.054.620.271	5.631.080.804
121	1. Đầu tư ngắn hạn	6.1	192.531.728.629	22.408.955.646
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	7	(10.477.108.358)	(16.777.874.842)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	8	198.092.509.426	4.805.913.287
131	1. Phải thu của khách hàng		135.000.000	-
132	2. Trả trước cho người bán		1.037.718.524	190.927.418
135	3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		194.085.838.029	114.985.869
138	4. Các khoản phải thu khác		2.833.952.873	4.500.000.000
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		2.347.162.746	1.142.228.324
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.120.449.199	1.012.388.324
158	2. Tài sản ngắn hạn khác		1.226.713.547	129.840.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		181.594.849.295	281.967.531.144
210	I. Tài sản cố định	9	7.213.749.151	9.253.873.955
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9.1	6.082.013.128	8.241.503.198
222	Nguyên giá		13.493.265.478	12.186.519.051
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(7.411.252.350)	(3.945.015.853)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9.2	802.064.023	682.698.757
228	Nguyên giá		1.291.472.269	955.554.269
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(489.408.246)	(272.855.512)
230	3. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang		329.672.000	329.672.000
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		157.392.802.200	266.747.631.929
253	1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	6.1	132.850.784.700	270.569.031.576
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán	6.1	132.850.784.700	270.569.031.576
258	2. Đầu tư dài hạn khác	6.1	43.120.000.000	38.120.000.000
259	3. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác	7	(18.577.982.500)	(41.941.399.647)
260	III. Tài sản dài hạn khác		16.988.297.944	5.966.025.260
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		214.612.295	625.603.758
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	20.3	12.378.861.347	29.113.461
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	1.574.690.920	506.741.573
268	4. Tài sản dài hạn khác	10	2.820.133.382	4.804.566.468
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		926.365.784.368	358.018.314.190

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

B01-CTCK

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm (trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		557.632.695.435	55.680.430.560
310	I. Nợ ngắn hạn		557.100.383.435	55.046.373.560
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	12	250.000.000.000	10.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		401.645.111	29.926.000
313	3. Người mua trả tiền trước		555.387.500	587.500.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	194.466.374	628.354.954
315	5. Phải trả công nhân viên		571.410.251	-
316	6. Chi phí phải trả	14	3.775.224.647	1.213.026.203
320	7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	15	176.810.820.998	-
321	8. Phải trả hồ sơ tức, gốc và lãi trái phiếu		1.121.069.869	5.700.000
328	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	123.670.358.685	42.581.866.403
330	II. Nợ dài hạn		532.312.000	634.057.000
337	1. Dự phòng trợ cấp thôi việc		532.312.000	634.057.000
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		368.733.088.933	302.337.883.630
410	I. Vốn chủ sở hữu	17.1	368.733.088.933	302.111.014.497
411	1. Vốn cổ phần	17.2	330.000.000.000	330.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		53.276.000.000	53.276.000.000
413	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		2.157.158.275	2.157.158.275
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		2.157.158.275	2.157.158.275
420	5. Lỗ lũy kế		(18.857.227.617)	(85.479.302.053)
430	II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.1	-	226.869.133
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		926.365.784.368	358.018.314.190

Handwritten signature

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

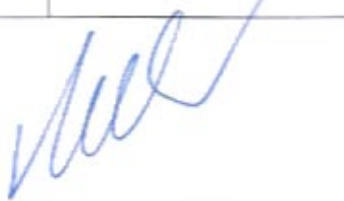
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

B01-CTCK

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số đầu dư năm (trình bày lại)
006	1. Chứng khoán lưu ký		1.912.806.430.000	3.278.094.830.000
007	1.1. Chứng khoán giao dịch		1.477.014.330.000	3.257.983.050.000
012	1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		97.327.620.000	8.926.840.000
017	1.3. Chứng khoán cầm cố		153.170.800.000	2.098.350.000
022	1.4. Chứng khoán tạm giữ (phong tỏa của VSCD đ/v khách hàng)		110.170.180.000	2.637.390.000
027	1.5. Chứng khoán chờ thanh toán		75.123.500.000	6.449.200.000
050	2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết		105.953.590.000	-
051	2.1. Chứng khoán giao dịch		105.953.590.000	-
083	3. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán		68.999.140.000	-



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

Công ty Cổ Phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

B02-CTCK

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán		146.830.072.511	39.274.021.704
	Trong đó:			
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		43.057.648.343	18.058.955.707
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		87.909.229.308	11.749.699.301
01.4	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán		54.823.315	727.372.436
01.5	Doanh thu từ hoạt động tư vấn tài chính và đầu tư		10.673.496.286	890.454.541
01.9	Doanh thu khác		5.134.875.259	7.847.539.719
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh		146.830.072.511	39.274.021.704
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	18	(67.453.424.086)	(90.982.980.777)
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp của hoạt động kinh doanh		79.376.648.425	(51.708.959.073)
25	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(26.388.963.283)	(34.861.881.004)
30	7. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		52.987.685.142	(86.570.840.077)
31	8. Thu nhập khác		1.320.862.788	891.504.624
32	9. Chi phí khác		(36.221.380)	(40.225.600)
40	10. Lợi nhuận khác		1.284.641.408	851.279.024
50	11. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		54.272.326.550	(85.719.561.053)
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	-	-
52	14. Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	20.3	12.349.747.886	-
60	15. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		66.622.074.436	(85.719.561.053)
70	16. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	21	2.019	(2.743)


Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng


Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2009

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN			
01	Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		54.272.326.550	(85.719.561.053)
02	Khấu hao TSCĐ	9	3.682.789.231	3.939.839.230
03	Dự phòng giảm giá đầu tư	7	69.145.122.439	94.537.262.982
04	Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	7	(98.809.306.070)	(44.748.109.906)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư		11.405.243.688	4.755.176.120
06	Chi phí lãi vay	18	6.889.767.796	2.767.250.000
8	Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động		46.585.943.634	(24.468.142.627)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(193.466.985.947)	4.771.637.406
10	(Tăng)/giảm chứng khoán tự doanh và các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn		(170.122.772.983)	36.956.103.000
11	Tăng các khoản phải trả		11.103.327.317	2.659.330.334
12	Giảm/(tăng) các khoản chi phí trả trước		302.930.588	(202.667.045)
13	Lãi vay đã trả		(6.456.976.131)	(2.577.250.000)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	20.1	-	(14.719.932.481)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	(2.939.446.700)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(226.869.133)	(2.361.721.797)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(312.281.402.655)	(2.882.089.910)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền mua sắm tài sản cố định	9	(1.642.664.427)	(6.559.638.700)
27	Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(6.414.615.036)	(105.550.032.000)
28	Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư		118.251.483.000	51.075.375.000
29	Thu lãi đầu tư		9.476.135.224	9.599.933.900
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		119.670.338.761	(51.434.361.800)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu góp vốn đăng ký mua cổ phần		-	81.000.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn		462.007.140.850	20.000.000.000
35	Trả tiền vay ngắn hạn		(222.007.140.850)	(25.000.000.000)
55	Trả tiền cổ tức		-	(35.899.800.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		240.000.000.000	40.100.200.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B03-CTCK

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
70	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		47.388.936.106	(14.216.251.710)
80	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	4	24.590.454.290	38.806.706.000
90	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	4	71.979.390.396	24.590.454.290

Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt (Công ty) là một công ty cổ phần thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103005723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp vào ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy Phép Hoạt động Kinh doanh số 32/UBCK-GPHĐKD, vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2007, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành Giấy phép số 32/UBCK-GP chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng

Ngày 8 tháng 8 năm 2008, Công ty đã nhận được Giấy phép số 147/UBCK-GP của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty tăng vốn điều lệ từ 300 tỷ đồng lên 330 tỷ đồng.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, và lưu ký chứng khoán.

Công ty có trụ sở chính tại số 147-149 Võ Văn Tần, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 172 người (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 125 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thành Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Phạm Hữu Phú	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Miên Tuấn	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 12 năm 2006
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Vạn Lý	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 8 năm 2006
Ông Nguyễn Thúc Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2008

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính nói riêng và các chính sách kế toán được quy định tại Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính kèm theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và ngoài ra không chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng Đồng Việt Nam.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán*

Ngày 24 tháng 10 năm 2008, Bộ tài chính ban hành Thông tư 95/2008/TT-BTC quy định về chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán thay thế cho Quyết định 99/2000/QĐ-BTC. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009. Vì vậy, một số số liệu đầu kỳ trong báo cáo tài chính đính kèm được phân loại lại cho phù hợp với yêu cầu trình bày các báo cáo tài chính của Thông tư 95/2008/TT-BTC. Việc phân loại lại số dư đầu kỳ được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 23.

Ngoài ra, ảnh hưởng của thay đổi trong chính sách kế toán đối với khoản mục đầu tư chứng khoán được trình bày chi tiết tại chính sách kế toán 3.4 "Chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán".

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và thời hạn nhỏ hơn 3 tháng kể từ ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.4 Chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán

Thông tư 95/2008/TT-BTC cho phép các công ty chứng khoán thực hiện hạch toán kế toán các khoản đầu tư chứng khoán theo một trong hai nguyên tắc là giá gốc hoặc giá trị hợp lý. Theo đó, Công ty đã lựa chọn phương pháp giá gốc để ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán

Các chứng khoán thương mại và chứng khoán sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn

Đối với các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn thể hiện các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần của Công ty trong các tổ chức kinh tế từ lúc thành lập hoặc có đại diện là Thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát trong các doanh nghiệp được đầu tư và có ảnh hưởng lớn tại các công ty được đầu tư này. Các khoản góp vốn, đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá mua vào ngày mua, và sau đó được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư trong các kỳ kế toán tiếp theo.

Dự phòng giảm giá chứng khoán

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết được xác định trên cơ sở tham khảo giá khớp lệnh (giá bình quân đối với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán vốn của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (03) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được phản ánh theo giá gốc.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

3.7 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6 năm
Phần mềm tin học	5 năm
Chi phí phát triển trang web	5 năm

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu; liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân của giai đoạn 6 tháng tính đến thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty chuyển sang trích đóng bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị định số 127/2008/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2008. Theo đó, người lao động đóng bằng 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, người sử dụng lao động đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp và Nhà nước hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp.

3.11 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp các dịch vụ môi giới chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.12 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Tiền mặt	58.299.871	101.584.254
Tiền gửi ngân hàng	340.587.448.654	38.305.718.761
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	21.630.894.105	15.064.257.616
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>362.276.642.630</u>	<u>64.471.560.631</u>

Nhằm mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ, tiền bao gồm các khoản sau:

	VND	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Tiền mặt	58.299.871	101.584.254
Tiền gửi ngân hàng	340.587.448.654	38.305.718.761
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	21.630.894.105	15.064.257.616
Các khoản tương đương tiền	-	11.000.000.000
	<u>362.276.642.630</u>	<u>64.471.560.631</u>
<i>Trừ:</i>		
Tiền thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 15)	(166.606.176.500)	-
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 16)	(123.577.512.634)	(39.881.106.341)
Cổ tức của nhà đầu tư	(113.563.100)	-
	<u>(290.297.252.234)</u>	<u>(39.881.106.341)</u>
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	<u>71.979.390.396</u>	<u>24.590.454.290</u>

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

5. GIÁ TRỊ VÀ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<i>Khối lượng chứng khoán thực hiện trong kỳ</i>	<i>Giá trị giao dịch chứng khoán thực hiện trong kỳ</i>
		VNĐ
Của Công ty chứng khoán	20.783.690	845.331.902.000
Cổ phiếu	11.256.930	742.289.152.000
Chứng khoán khác	9.526.760	103.042.750.000
Của nhà đầu tư	519.272.611	20.661.835.817.100
Cổ phiếu	472.068.017	17.136.860.183.100
Trái phiếu	31.356.854	3.316.217.920.000
Chứng khoán khác	15.847.740	208.757.714.000
TỔNG CỘNG	540.056.301	21.507.167.719.100

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

6.1 *Tình hình tăng giảm và hiện có về đầu tư chứng khoán*

	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số dư cuối năm</i>
				VNĐ
Chứng khoán thương mại (Thuyết minh số 6.2)	22.408.955.646	520.269.974.710	350.147.201.727	192.531.728.629
Chứng khoán đầu tư Chứng khoán sẵn sàng để bán (Thuyết minh 6.3)	308.689.031.576	124.186.007.230	256.904.254.106	175.970.784.700
Đầu tư dài hạn khác	270.569.031.576	119.186.007.230	256.904.254.106	132.850.784.700
	38.120.000.000	5.000.000.000		43.120.000.000
TỔNG CỘNG	331.097.987.222	644.455.981.940	607.051.455.833	368.502.513.329

Đầu tư dài hạn khác bao gồm:

Khoản vốn góp 30.500.000.000 VNĐ vào Công ty Cổ phần Bất Động Sản Exim Land, chiếm 10,17% vốn điều lệ của công ty này.

Khoản vốn góp 8.120.000.000 VNĐ vào Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Long, chiếm 2,71% vốn điều lệ của quỹ này.

Khoản vốn góp 4.500.000.000 VNĐ vào Công ty Cổ phần Cao su kỹ thuật Đồng Phú, chiếm 5% vốn điều lệ của công ty này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (tiếp theo)

6.2 Chứng khoán thương mại

	Số lượng cổ phần	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	VND Ghi chú
			Tăng	Giảm		
Cổ phiếu niêm yết						
Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB)	388.966	16.858.937.535	-	2.428.298.935	14.430.638.600	(*)
Công ty CP Dabaco Việt Nam (DBC)	327.200	13.570.001.830	-	2.281.601.830	11.288.400.000	
Công ty CP Mía đường Lam Sơn (LSS)	471.260	21.186.713.480	-	1.393.793.480	19.792.920.000	(*)
Công ty CP DV&XD Địa Ốc Đất Xanh (DXG)	100.000	4.200.000.000	2.400.000.000	-	6.600.000.000	
Tổng Công ty CP DVKT Dầu khí (PVS)	168.630	6.058.933.442	-	679.636.442	5.379.297.000	
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	1.222.533	77.551.491.309	8.025.818.691	-	85.577.310.000	(*)
Công ty CP TASCOS (HUT)	208.200	6.031.438.177	-	160.198.177	5.871.240.000	(*)
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)	465.900	13.670.414.095	-	2.442.224.095	11.228.190.000	
Công ty CP SXKD XNK và Đầu tư Tân Bình (TIX)	144.486	10.107.432.800	-	1.004.814.800	9.102.618.000	(*)
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VFMVF1)	118.100	1.716.320.599	-	86.540.599	1.629.780.000	
Công ty Cổ phần Cơ giới Lắp máy và Xây dựng (VMC)	339.700	21.481.175.010	497.414.990	-	21.978.590.000	
Các công ty khác	3.069	98.871.000	-	-	98.871.000	
	3.958.044	192.531.729.277	10.923.233.681	10.477.108.358	192.977.854.600	

Ghi chú : (*) Các cổ phiếu đã được đem đi cầm cố, thế chấp cho các hợp đồng vay với Ngân hàng Eximbank (Thuyết minh số 12).

6.3 Chứng khoán sẵn sàng để bán

	Số lượng cổ phần	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	VND Ghi chú
			Tăng	Giảm		
Cổ phiếu niêm yết	-	-	-	-	-	
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.599.914	132.850.784.700	-	18.577.982.500	114.272.802.200	(*)
	2.599.914	132.850.784.700		18.577.982.500	114.272.802.200	

Ghi chú : (*) Các cổ phiếu đã được đem đi cầm cố, thế chấp cho các hợp đồng vay với Ngân hàng Eximbank (Thuyết minh số 12).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

7. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Số dư đầu năm</i>
Chứng khoán thương mại		
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	10.477.108.358	16.777.874.842
Chứng khoán đầu tư		
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	-	41.941.399.647
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<u>18.577.982.500</u>	<u>-</u>
TỔNG CỘNG	<u>29.055.090.858</u>	<u>58.719.274.489</u>

Tình hình dự phòng giảm giá chứng khoán trong kỳ kế toán đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

	VNĐ	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu kỳ	58.719.274.489	8.930.121.413
Tăng trong kỳ	69.145.122.439	94.537.262.982
Hoàn nhập trong kỳ	<u>(98.809.306.070)</u>	<u>(44.748.109.906)</u>
Số cuối kỳ	<u>29.055.090.858</u>	<u>58.719.274.489</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

8. CÁC KHOAN PHẢI THU NGẮN HẠN

	Số đầu kỳ			Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ			VNĐ Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	135.000.000	-	135.000.000	-	-	-
2. Ứng trước cho người bán	190.927.418	-	-	1.051.578.524	204.787.418	1.037.718.524	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	114.985.869	-	-	2.460.163.910.945	2.266.193.058.785	194.085.838.029	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	40.624.993	-	-	19.857.949.463	19.375.899.464	522.674.992	-	-	-
- Phải thu dịch vụ ứng trước cho nhà đầu tư	74.360.876	-	-	554.817.579.926	554.756.183.148	135.757.654	-	-	-
- Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư	-	-	-	1.885.488.381.556	1.692.060.976.173	193.427.405.383	-	-	-
3. Phải thu khác	4.500.000.000	-	-	3.146.709.339	4.812.786.466	2.833.952.873	-	-	-
- Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	1.223.658.492	-	1.223.658.492	-	-	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.500.000.000	-	-	1.923.050.847	4.812.786.466	1.610.294.381	-	-	-
TỔNG CỘNG	4.805.913.287	-	-	2.464.497.198.808	2.271.210.632.669	198.092.509.426	-	-	-

Phải thu khách hàng về nghiệp vụ hợp tác đầu tư là hình thức hợp tác đầu tư mà trong đó Công ty và nhà đầu tư cùng góp vốn để đầu tư vào một hay nhiều loại chứng khoán. Nhà đầu tư sẽ đảm bảo bằng các chứng khoán có sẵn trong tài khoản.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

9.1 *Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình*

	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>VNĐ Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.915.582.951	2.270.936.100	12.186.519.051
Tăng trong kỳ	1.306.746.427	-	1.306.746.427
Số dư cuối kỳ	<u>11.222.329.378</u>	<u>2.270.936.100</u>	<u>13.493.265.478</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	3.397.630.401	547.385.452	3.945.015.853
Tăng trong kỳ	3.087.747.143	378.489.354	3.466.236.497
Số dư cuối kỳ	<u>6.485.377.544</u>	<u>925.874.806</u>	<u>7.411.252.350</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	<u>6.517.952.550</u>	<u>1.723.550.648</u>	<u>8.241.503.198</u>
Số dư cuối kỳ	<u>4.736.951.834</u>	<u>1.345.061.294</u>	<u>6.082.013.128</u>

9.2 *Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình*

	<i>Phần mềm tin học</i>	<i>Chi phí phát triển trang web</i>	<i>VNĐ Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	903.863.591	51.690.678	955.554.269
Tăng trong kỳ	263.918.000	72.000.000	335.918.000
Số dư cuối kỳ	<u>1.167.781.591</u>	<u>123.690.678</u>	<u>1.291.472.269</u>
Giá trị hao mòn			
Số dư đầu kỳ	259.071.336	13.784.176	272.855.512
Tăng trong kỳ	203.814.600	12.738.134	216.552.734
Số dư cuối kỳ	<u>462.885.936</u>	<u>26.522.310</u>	<u>489.408.246</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	<u>644.792.255</u>	<u>37.906.502</u>	<u>682.698.757</u>
Số dư cuối kỳ	<u>704.895.655</u>	<u>97.168.368</u>	<u>802.064.023</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

9.3 Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ của Công ty tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 VNĐ	Tài sản cố định và trang thiết bị		
	Chỉ tiêu	Giá trị VNĐ	Tỷ lệ so với vốn điều lệ
330.000.000.000	Nguyên giá	14.784.737.747	4,48%
	Khấu hao lũy kế	(7.900.660.596)	-2,39%
	Giá trị còn lại	<u>6.884.077.151</u>	<u>2,09%</u>

10. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài khoản này thể hiện các khoản tiền đặt cọc thuê văn phòng trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh ở Hà Nội của Công ty.

11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Sở giao dịch chứng khoán.

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004, Quyết định 72/2005/QĐ-BTC ngày 21 tháng 10 năm 2005 của Bộ Tài chính và Quyết định 17/2005/QĐ-TTLK ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Trung tâm Lưu ký thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại mỗi trung tâm giao dịch chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% (năm 2008: 0,008%) tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước.

Biến động tiền nợ quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	506.741.573	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	1.055.690.707	381.997.716
Tiền lãi nhận được	12.258.640	4.743.857
TỔNG CỘNG	<u>1.574.690.920</u>	<u>506.741.573</u>

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Vay ngắn hạn	<u>250.000.000.000</u>	<u>10.000.000.000</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

Chi tiết như sau:

	VNĐ			
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Số cuối kỳ	Kỳ hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Tài sản đảm bảo
<i>Hợp đồng số</i>				
Số 1401-LDS-200903503	30.000.000.000	12	10,50%	Bao gồm các cổ phiếu được trình bày tại thuyết minh 6.2 và 6.3
Số 1401-LDS-200906903	15.000.000.000	12	10,20%	
Số 1401-LDS-200909065	15.000.000.000	12	10,50%	
Số 1401-LDS-200909792	10.000.000.000	12	10,20%	
Số 1401-LDS-200914296	30.000.000.000	12	12,00%	
	<u>100.000.000.000</u>			
 Ngân hàng TMCP Kiên Long				
<i>Hợp đồng số</i>				
Số 0242.1/GNN	33.950.000.000	12	6,60%	Tài khoản tiền gửi không kì hạn tại Ngân hàng TMCP Kiên Long
Số 0242.2/GNN	16.050.000.000	12	6,60%	
Số 0249.1/GNN	24.000.000.000	12	6,60%	
Số 0249.2/GNN	23.000.000.000	12	6,60%	
Số 0249.3/GNN	3.000.000.000	12	6,60%	
	<u>100.000.000.000</u>			
Tổng công ty Thương mại Sài Gòn	<u>50.000.000.000</u>	6	14,40%	Tín chấp
Tổng cộng	<u>250.000.000.000</u>			

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân	169.328.367	487.809.000
Thuế giá trị gia tăng	25.138.007	135.591.020
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh 20.1)	-	-
Thuế khác	-	4.954.934
TỔNG CỘNG	<u>194.466.374</u>	<u>628.354.954</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Lương tháng 13	1.227.976.716	-
Phí môi giới	881.307.732	427.439.523
Lãi vay phải trả	622.791.665	190.000.000
Chi phí hoa hồng môi giới	526.144.858	-
Các khoản khác	517.003.676	595.586.680
TỔNG CỘNG	<u>3.775.224.647</u>	<u>1.213.026.203</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

15. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đây là khoản tiền giao dịch bù trừ của các giao dịch chứng khoán chờ đến ngày thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán và các hoạt động giao dịch chứng khoán khác phải trả.

		VNĐ
	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Số dư đầu năm</i>
Thanh toán bù trừ của nhà đầu tư	166.606.176.500	-
Thanh toán bù trừ của Công ty	6.615.600.000	-
Tiền mua cổ phiếu phát hành thêm	2.411.670.000	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán khác	1.177.374.498	-
TỔNG CỘNG	<u>176.810.820.998</u>	<u>-</u>

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

		VNĐ
	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Số dư đầu năm</i>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	66.759.206	57.565.350
Phải trả khác	123.603.599.479	42.524.301.053
<i>Thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (Thuyết minh số 4) (*)</i>	<i>123.577.512.634</i>	<i>39.881.106.341</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>26.086.845</i>	<i>2.643.194.712</i>
TỔNG CỘNG	<u>123.670.358.685</u>	<u>42.581.866.403</u>

(*) Đây là khoản tiền ký quỹ của nhà đầu tư để giao dịch chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 Tăng giảm Vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Lỗ lũy kế	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Tổng cộng
Số đầu kỳ	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(85.479.302.053)	226.869.133	302.337.883.630
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	66.622.074.436	-	66.622.074.436
Đã sử dụng	-	-	-	-	-	(226.869.133)	(226.869.133)
Số cuối kỳ	330.000.000.000	53.276.000.000	2.157.158.275	2.157.158.275	(18.857.227.617)	-	368.733.088.933

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

17.2 *Vốn cổ phần*

Theo Giấy phép số 147/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 8 năm 2008, tổng vốn điều lệ của Công ty là 330 tỷ đồng. Số vốn điều lệ này đã được góp đầy đủ tính tới thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, như sau:

<i>Tên cổ đông</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Vốn góp VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	5 970 000	59 700 000.000	18,09%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài Chính Sài Gòn Á Châu	5.130.000	51 300 000.000	15,55%
Công ty CP cung ứng tàu biển Sài Gòn	2.430.000	24 300 000.000	7,37%
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn	2.430.750	24 307 500.000	7,36%
Ông Nguyễn Miên Tuấn	785.000	7 850 000.000	2,38%
Ông Nguyễn Vạn Lý	500.000	5 000 000.000	1,52%
	<u>17.245.750</u>	<u>172.457.500.000</u>	<u>52,26%</u>
Các cổ đông cá nhân khác	15.754.250	157.542.500.000	47,74%
TỔNG CỘNG	<u>33.000.000</u>	<u>330.000.000.000</u>	<u>100%</u>

17.3 *Cổ phiếu*

	<i>Số cuối năm (cổ phiếu)</i>	<i>Số đầu năm (cổ phiếu)</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	33.000.000	33.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	33.000.000	33.000.000
<i>Số lượng cổ phiếu đã đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>33.000.000</i>	<i>33.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu phổ thông	33.000.000	33.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	69.680.134.077	33.735.048.522
Chi phí nhân viên	10.854.787.453	1.700.066.560
Chi phí lãi vay	6.889.767.796	2.767.250.000
Chi phí hoạt động môi giới và tư vấn	6.838.113.304	2.798.363.691
Chi phí bằng tiền khác	543.484.819	10.965.874
Chi phí khấu hao tài sản cố định	471.612.933	44.418.405
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	449.107.508	3.671.012
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	335.275.635	134.043.637
Chi phí khác	1.055.324.192	-
	<u>97.117.607.717</u>	<u>41.193.827.701</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	69.145.122.439	94.537.262.982
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán	(98.809.306.070)	(44.748.109.906)
TỔNG CỘNG	<u>67.453.424.086</u>	<u>90.982.980.777</u>

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu và công cụ lao động	699.898.670	1.874.771.302
Chi phí nhân viên	8.132.478.266	15.999.301.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.211.176.298	3.021.293.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.998.036.499	10.949.284.059
Chi phí bằng tiền khác	823.657.039	867.842.639
Chi phí khác	1.519.716.511	2.144.448.398
Chi phí thuế	4.000.000	4.939.000
TỔNG CỘNG	<u>26.388.963.283</u>	<u>34.861.881.004</u>

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 25% lợi nhuận tính thuế trong các năm.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm như sau:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(12.349.747.886)	-
TỔNG CỘNG	<u>(12.349.747.886)</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được ước tính dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm trước và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	54.272.326.550	(85.719.561.053)
Trừ: Thu nhập cổ tức	(9.476.135.224)	(9.599.933.900)
	44.796.191.326	(95.319.494.953)
Cộng:		
Chi phí không có chứng từ hợp lệ	118.930.867	540.010.000
Trợ cấp thời việc	-	348.917.373
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	44.915.122.193	(94.430.567.580)
Lỗ năm trước chuyển sang	(44.915.122.193)	-
Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) ước tính năm hiện hành	-	(94.430.567.580)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	14.719.932.481
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	(14.719.932.481)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

20.2 Chuyển lỗ

Theo qui định thuế hiện hành, Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm tiếp theo năm phát sinh khoản lỗ đó.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có khoản lỗ lũy kế 49.515.443.760 VNĐ có thể bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	VNĐ			
		Lỗ tính thuế	Số lỗ tính thuế đã được sử dụng đến ngày 31/12/2009	Số không được chuyển lỗ	Số lỗ tính thuế chưa sử dụng tại ngày 31/12/2009
2008	2013	94.430.567.580	(44.915.122.193)	-	49.515.445.387

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.3 Thuế TNDN hoãn lại

Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại cho số lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong các năm tới bởi vì Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin rằng Công ty sẽ có đủ lợi nhuận trong các năm tới để bù trừ hết số lỗ tính thuế mang sang này. Thuế TNDN hoãn lại trong năm được tính như sau:

	VNĐ
	Năm nay
Số lỗ tính thuế mang sang tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có thể được sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong năm tới (Thuyết minh số 20.2)	49.515.445.387
Thuế suất thuế TNDN theo qui định	25%
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	<u>12.378.861.347</u>

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	<u>Bảng cân đối kế toán</u>		<u>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</u>	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Trợ cấp thời việc	-	29.113.461	(29.113.461)	-
Lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai	<u>12.378.861.347</u>	-	<u>12.378.861.347</u>	-
	<u>12.378.861.347</u>	<u>29.113.461</u>		
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh			<u>12.349.747.886</u>	-

21. LÃI/(LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu:

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	66.622.074.436	(85.719.561.053)
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	33.000.000	31.250.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	2.019	(2.743)

Handwritten signature

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

22. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA NHÂN VIÊN

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng quỹ lương	18.987.265.719	15.981.957.000
Tiền thưởng	321.800.000	1.168.000.000
Tổng thu nhập	19.309.065.719	17.149.957.000
Tiền lương bình quân (tháng/người)	9.199.257	9.835.000
Thu nhập bình quân (tháng/người)	9.355.119	10.554.000

23. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Giá trị
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Lãi tiền gửi	4.052.367.000
		Doanh thu từ nghiệp vụ quản lý số cổ đông	6.202.045.000
		Vay ngắn hạn	100.000.000.000
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đông	Vay ngắn hạn	50.000.000.000

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VNĐ Phải thu/(Phải trả)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	Cổ đông	Vay ngắn hạn (100.000.000.000)	
		Tiền gửi	45.322.493.541
Tổng Công ty Thương Mại Sài Gòn (Satra)	Cổ đông	Vay ngắn hạn	(50.000.000.000)

24. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê văn phòng cho trụ sở chính tại số 147-149 Võ Văn Tần, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và văn phòng chi nhánh ở Hà Nội tại số 74 Bà Triệu, phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm dưới hình thức thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản thanh toán tiền thuê đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	9.448.520.004	8.673.929.000
Từ 1 đến 5 năm	8.312.603.530	17.503.452.865
TỔNG CỘNG	17.761.123.534	26.177.381.865

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-CTCK

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Do thay đổi hệ thống tài khoản và cách thức hạch toán cũng như trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC dẫn đến số liệu đầu kỳ được trình bày lại. Theo đó, các số liệu so sánh được phân loại lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo của năm nay.

Thay đổi trên bảng cân đối kế toán được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>Số dư đầu năm (trình bày trước đây)</i>	<i>Số dư đầu năm (trình bày lại)</i>
Bảng cân đối kế toán		
Đầu tư chứng khoán dài hạn	278.689.031.576	270.569.031.576
Góp vốn liên doanh	30.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	-	38.120.000.000
	308.689.031.576	308.689.031.576
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	105.900.000	5.700.000
Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	39.881.106.341	-
Phải trả, phải nộp khác	2.600.560.062	42.581.866.403
	42.587.566.403	42.587.566.403

Thay đổi trên bảng kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày như sau:

	VNĐ	
	<i>Năm trước (trình bày trước đây)</i>	<i>Năm trước (trình bày lại)</i>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	2.149.765.401	11.749.699.301
Thu cổ tức và lãi đầu tư	9.599.933.900	-
Hoàn nhập dự phòng	44.748.109.906	-
Chi phí hoạt động kinh doanh	(135.731.090.683)	(90.982.980.777)

26. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1. Bỏ tri cơ cấu tài sản		
Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Tổng tài sản	20%	79%
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	80%	21%
2. Tỷ suất sinh lời		
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	37%	-218%
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế/Vốn cổ phần đã phát hành	16%	-26%
3. Khả năng thanh toán		
Tổng nợ/Tổng tài sản	60%	16%
Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	134%	138%
(Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Tổng nợ ngắn hạn	134%	138%
Tiền/Tổng nợ ngắn hạn	65%	117%

Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày


B09-CTCK

27. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.



Ông Lê Minh Hiền
Kế toán trưởng


Ông Nguyễn Miên Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 01 năm 2010

